SỞ Y TẾ TỈNH NAM ĐỊNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA NAM ĐỊNH

Số: 2323/BVNĐ-VTTBYT
Về việc mời báo giá thiết bị y tế

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nam Định, ngày 10 tháng 6 năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp thiết bị y tế tại Việt Nam.

Bệnh viện Đa khoa Nam Định có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo làm căn cứ xây dựng giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm thiết bị y tế để nâng cao năng lực chuyên môn Bệnh viện Đa khoa tỉnh Nam Định tại cơ sở mới (khu đô thị Mỹ Trung – Thành phố Nam Định) (nay là Bệnh viện Đa khoa Nam Định) với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Nam Định

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phòng văn thư - Bệnh viện Đa khoa Nam Định; địa chỉ số 2+19 đường Trần Quốc Toản, TP Nam Định

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Cách thứ 1: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp gửi báo giá và tài liệu kèm theo trên mạng đấu thầu quốc gia (chức năng nhà thầu) tương ứng với yêu cầu báo giá trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (nếu hệ thống có chức năng này).

- Cách thứ 2: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp gửi trực tiếp báo giá và tài liệu kèm theo về địa chỉ: Phòng Văn thư, Bệnh viện Đa khoa Nam Định, địa chỉ số 2+19, đường Trần Quốc Toản, TP Nam Định. Điện thoại: 02283868171.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày.....tháng.....năm 2025 đến 17h ngày 20/6/2025.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá tối thiểu: 180 ngày kể từ ngày.....tháng.....năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục và cấu hình thiết bị y tế: Theo phụ lục I và II đính kèm

2. Địa điểm cung cấp hàng hóa: Bệnh viện Đa khoa Nam Định. Yêu cầu báo giá bao gồm chi phí vận chuyển, bảo hiểm, bảo quản và toàn bộ các loại thuế, phí liên quan.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng ≤ 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Bảo hành: ≥ 12 tháng hoặc theo quy định của nhà sản xuất.

4. Thành phần và quy cách hồ sơ báo giá

- Bảng giá: Mẫu số 01 – Phụ lục III

- Tài liệu kỹ thuật có liên quan (bản cứng):

Bệnh viện Đa khoa Nam Định rất mong nhận được sự quan tâm và bản chào hàng (báo giá) tốt nhất của quý Công ty/đơn vị./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cổng TTĐT BVNĐ;
- Hệ thống mạng đấu thầu QG;
- Lưu: VT, VTTBYT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH NAM ĐỊNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA NAM ĐỊNH

Hoàng Thị Kim Yến

Phụ lục I

DANH MỤC THIẾT BỊ Y TẾ

(Kèm theo Công văn số 2325/BVNĐ-VTTBYT ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa Nam Định)

STT	STT TB	Danh mục thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	5	Máy siêu âm tổng quát	4	
2	9	Dàn định nhóm máu Gel.card	1	
3	33	Hệ thống phẫu thuật nội soi	1	
		Tổng: 03 thiết bị		

PHỤ LỤC II

YÊU CẦU CẤU HÌNH, TÍNH NĂNG KỸ THUẬT THIẾT BỊ Y TẾ

(Kèm theo Công văn số: 2323 /BVNĐ-VTTBYT ngày 10 / 6 /2025 của Bệnh viện Đa khoa Nam Định)

05. MÁY SIÊU ÂM TỔNG QUÁT

I. Yêu cầu chung

- Thiết bị mới 100%
- Sản xuất từ năm 2024 trở về sau
- Nguồn điện sử dụng: 220V/380V, 50Hz
- Đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương
- Môi trường hoạt động:

  + Nhiệt độ tối đa: ≥ 30 độ C

  + Độ ẩm tối đa: ≥ 70%

II. Yêu cầu cấu hình

1. Thân máy chính tích hợp màn hình hiển thị và màn hình điều khiển cảm ứng trên xe đẩy: 01 bộ
2. Đầu dò Convex đa tần thăm khám ổ bụng, tổng quát 01 cái
3. Đầu dò linear đa tần thăm khám mạch máu, phần nông 01 cái
4. Phần mềm cài đặt trực tiếp trên máy: 01 bộ, tối thiểu gồm

- Phần mềm siêu âm tổng quát ổ bụng, sản phụ khoa, cơ xương khớp, mạch máu: 01 bộ

5. Máy in ảnh siêu âm đen trắng 01 cái
6. Bộ máy tính + máy in ảnh màu: 01 bộ
7. Bộ lưu điện online : 01 bộ
8. Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh và Tiếng Việt: 01 bộ

III. Yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật

Tính năng

- Thiết bị thực hiện được các siêu âm thăm khám thông thường: Ổ bụng, sản phụ khoa, mạch máu, phần nông, cơ xương khớp,…
- Các phương pháp quét: Rẻ quạt điện tử; tuyến tính điện tử, quét thể tích hoặc tương đương
- Các chế độ làm việc cơ bản (tối thiểu có)

+ B-mode

+ M-mode

+ Mode dòng màu

+ Mode Doppler năng lượng

+ Mode Doppler phổ

- Hiển thị hình ảnh (tối thiểu có)

+ Hiển thị đồng thời: B/PW; B/M; B/CFM; B/B

+ Hiển thị nhiều hình

+ Phóng to/ Thu nhỏ

- Có chức năng điều chỉnh các thông số với ảnh siêu âm (tối thiểu có): Lọc nhiễu đốm, TGC, Màu hóa mode B và M, Bản đồ thang xám, Tốc độ quét, Độ khuếch đại,

- Có chức năng đo cơ bản: (tối thiểu có): khoảng cách, góc, chu vi, đường kính, diện tích,…

- Kết nối chuẩn DICOM

Thông số kỹ thuật

- Máy chính gắn với xe đẩy, bánh có khóa
- Màn hình hiển thị: LCD hoặc tương đương, ≥ 21 inch
- Màn hình điều khiển: Cảm ứng hoặc tương đương ≥ 10 inch
- Số cổng đầu dò: ≥ 04 cổng
- Dải động hệ thống: ≥ 300 dB
- Kênh xử lý hệ thống: ≥ 1.000.000 kênh
- Tốc độ khung hình: ≥ 2.000 khung hình/ giây
- Hiển thị thang xám: ≥ 256 mức
- Độ sâu hiển thị ảnh tối đa: ≥ 35 cm

Các thông số quét:

- Mode B:

+ Dải động: tối đa ≥ 90 dB

+ Độ khuếch đại: trong khoảng từ ≤ (-20) dB đến ≥20 dB

+ Lọc nhiễu đốm: ≥ 3 bước

- Mode M:

+ Độ khuếch đại: trong khoảng từ ≤ (-20) dB đến ≥20 dB

+ Tốc độ quét: ≥ 5 bước

+ Bản đồ thang xám ≥ 7 bước

- Mode dòng màu:

+ Góc lái tia: ± ≥ 20 độ

+ Tần số lặp xung PRF: tối đa ≥ 23 kHz

- Mode Doppler năng lượng

+ Bản đồ màu: ≥ 9 loại

+ Tần số lặp xung (PRF): tối đa ≥ 23 kHz

- Mode doppler phổ

+ Độ khuếch đại: tối đa ≥ 30 dB

+ Tần số lặp xung (PRF) cho Dopper xung PW: khoảng từ ≤ 0,5 kHz đến ≥ 26 kHz

+ Tần số lặp xung (PRF) cho Dopper liên tục CW khoảng từ ≤ 0,5 kHz đến ≥ 45 kHz

+ Đảo phổ

+ Hiệu chỉnh góc ≥ 80 độ

- Đầu dò Convex:

+ Tần số: khoảng từ ≤ 2 MHz đến ≥ 5 MHz

+ Số chấn tử: ≥ 128

+ Trường nhìn: ≥ 70 độ

- Đầu dò Linear:

+ Tần số: khoảng từ ≤ 5 MHz đến ≥ 10 MHz

+ Số chấn tử: ≥ 256

+ Trường nhìn: ≥ 38 mm

- Máy tính:

+ Hệ điều hành: Windows 10 trở lên

+ Bộ xử lý: Core i7 hoặc tốt hơn

+ RAM: ≥ 16 GB

+ Ổ cứng: ≥ 512 GB SSD

+ Màn hình: ≥ 21 inch

+ Có card đồ họa rời ≥ 1GB

+ Bàn phím, chuột

- Máy in đen trắng:
  + Khổ giấy in: A4
  + Tốc độ in: ≥ 15 trang /phút
  + Có chức năng in 2 mặt
- Máy in ảnh siêu âm đen trắng
  + Công nghệ: in nhiệt hoặc tương đương
  + Tốc độ in: ≤ 5 giây/ ảnh
  + Độ phân giải: ≥ 300 dpi
  + Mức thang xám tối thiểu: 256 mức
  + Kích thước giấy: 110 mm
- Bộ lưu điện online: ≥ 1 kVA

IV. Các yêu cầu khác

- Thời hạn giao hàng: tối đa 120 ngày;
- Thời gian bảo hành tối thiểu 12 tháng hoặc tiêu chuẩn của hãng sản xuất kể từ khi nghiệm thu đưa vào sử dụng.
- Bảo trì trong thời gian bảo hành: Theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất
- Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: 48 giờ.
- Có cam kết cung cấp giấy chứng nhận xuất xứ (CO), chứng nhận chất lượng (CQ) khi giao hàng
- Có ủy quyền hợp pháp từ nhà sản xuất hoặc đại lý phân phối chính thức được ủy quyền của nhà sản xuất tại Việt Nam.
- Có cam kết bảo trì sau thời gian bảo hành, cam kết cung cấp phụ tùng thay thế và vật tư tiêu hao trong vòng tối thiểu 10 năm.
- Có bảng báo giá các phụ tùng, linh kiện thay thế không thay đổi tối thiểu 5 năm sau thời gian bảo hành.

9. DÀN ĐỊNH NHÓM MÁU GEL.CARD

I. Yêu cầu chung

- Thiết bị mới 100%
- Sản xuất từ năm 2024 trở về sau
- Nguồn điện sử dụng: 220V/380V, 50Hz
- Đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng: ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương,
- Môi trường hoạt động:
  + Nhiệt độ tối đa: ≥ 30 độ C
  + Độ ẩm tối đa: ≥ 70%

II. Yêu cầu cấu hình

1. Máy ly tâm: 01 cái
2. Máy ủ: 01 cái
3. Máy đọc: 01 cái
4. Bộ máy tính: 01 bộ
5. Máy in : 01 cái
6. Cáp nguồn: 0 cái
7. Bộ phụ kiện : 01 bộ

- Bơm định lượng dung dịch pha loãng
- Bộ Pipet
- Bộ giá chuyên dụng

8. Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ

III. Yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật

Máy ly tâm

- Máy có thể chứa ≥ 24 cards cùng lúc.
- Màn hình chiếu LCD hoặc tương đương
- Có bộ vi xử lý hoạt động đã được lập trình.
- Có thể xem qua lớp vỏ máy.
- Có chức năng phát hiện nắp bị mở.
- Khóa nắp có chức hiển thị trên màn hình nếu nắp không được đóng đúng cách.

- Đầu rotor được làm bằng nhựa Polycarbonate hoặc tương đương, sức chứa ≥ 24 card
- Tốc độ (RPM): ≥ 800 rpm
- Đồng hồ bấm giờ: Cài đặt ≥ 10 phút. Kết thúc thời gian với âm báo.

Máy ủ

- Màn hình LED ≥ 7 đoạn với bảng phím trước
- Nhiệt độ làm việc ≥ 37°C (nhiệt độ cài đặt)
- Thời gian ủ ≥ 30 phút
- Khả năng chứa công suất: ≥ 24 card.
- Có chức năng ủ hai mẻ Gel card độc lập.
- Thời gian có chuông báo: ≥ 15 phút
- Nhiệt độ xung quanh: ≥ 25°C đến 30°C
- Đồng hồ tính giờ riêng biệt cho mỗi mẻ, với âm thanh báo hiệu ngừng sau ≥15 phút.

Máy đọc

- Loại xét nghiệm: Có chức năng Định nhóm máu xuôi và ngược/ Phản ứng hòa hợp/ Sàng lọc kháng thể/ DAT/ IAT,... hoặc hơn
- Có khe cắm card đơn
- Máy đọc có chức card với khả năng quét mã vạch tự động.
- Vận hành với máy tính ngoài và phần mềm được lập trình để phân tích kết quả và lưu hình ảnh card đã xét nghiệm

Bộ Máy tính:

- Hệ điều hành: Windows 10 trở lên
- Bộ xử lý: Core i5 hoặc tốt hơn
- RAM: ≥ 8 GB
- Ổ cứng: ≥ 1 TB
- Màn hình: ≥ 21 inch
- Bàn phím, chuột

Máy in đen trắng

- Tốc độ: ≥ 12 trang/phút
- Độ phân giải: ≥ 600 x 600 dpi
- Khổ giấy: A4
- Có khả năng in 2 mặt

IV. Các yêu cầu khác

- Thời hạn giao hàng: tối đa 120 ngày;
- Thời gian bảo hành tối thiểu 12 tháng hoặc tiêu chuẩn của hãng sản xuất kể từ khi nghiệm thu đưa vào sử dụng.
- Bảo trì trong thời gian bảo hành: Theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất
- Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: 48 giờ.
- Có cam kết cung cấp giấy chứng nhận xuất xứ (CO), chứng nhận chất lượng (CQ) khi giao hàng
- Có ủy quyền hợp pháp từ nhà sản xuất hoặc đại lý phân phối chính thức được ủy quyền của nhà sản xuất tại Việt Nam.
- Có cam kết bảo trì sau thời gian bảo hành, cam kết cung cấp phụ tùng thay thế và vật tư tiêu hao trong vòng tối thiểu 10 năm.
- Có bảng báo giá các phụ tùng, linh kiện thay thế không thay đổi tối thiểu 5 năm sau thời gian bảo hành.

33. HỆ THỐNG PHẪU THUẬT NỘI SOI

I. Yêu cầu chung

- Thiết bị mới 100%
- Sản xuất từ năm 2024 trở về sau
- Nguồn điện sử dụng: 220V/380V, 50Hz
- Đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương, chứng nhận FDA hoặc CE hoặc tương đương
- Môi trường hoạt động:
  + Nhiệt độ tối đa: ≥ 30 độ C
  + Độ ẩm tối đa: ≥ 70%

II. Yêu cầu cấu hình

1. Bộ xử lý hình ảnh: 01 bộ
2. Đầu camera 01 cái
3. Nguồn sáng 01 cái
4. Dây dẫn sáng 01 cái
5. Màn hình 02 cái
6. Máy bơm khí CO2: 01 bộ
7. Xe đẩy kèm tay treo màn hình: 01 bộ
8. Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi tiêu hóa - gan mật (tối thiểu 45 chi tiết): 01 bộ
9. Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng – tiết niệu – sản khoa (tối thiểu 45 chi tiết): 01 bộ
10. Máy hút dịch: 01 cái
11. Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ

III. Yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật

Bộ xử lý hình ảnh 4k hoặc tốt hơn

- Thiết kế dạng mô-đun, có thể tương thích với các công nghệ nội soi ống cứng, ống mềm, huỳnh quang và nội soi 3D.
- Màn hình điều khiển cảm ứng LCD hoặc tương đương,
- Có khả năng phóng đại điện tử hoặc tương đương, ≥ 1,5x
- Có khả năng xoay hình ảnh ≥ 180 độ
- Có khả năng lưu trữ cài đặt

- Tín hiệu đầu ra: (Tối thiểu có) DVI; SDI hoặc tương đương hoặc tốt hơn

Đầu camera 4K hoặc tốt hơn

- Cảm biến hình ảnh CMOS hoặc tương đương
- Tiêu cự của đầu camera: f ≤ 24 mm
- Có phím chức năng đầu camera ≥ 2
- Đầu Camera có thể tiệt trùng
- Trọng lượng ≤ 280 gram

Nguồn sáng lạnh nội soi

- Sử dụng công nghệ đèn LED hoặc tương đương
- Điều khiển cường độ sáng tự động hoặc thủ công.
- Tuổi thọ bóng đèn LED ≥ 10.000 giờ
- Công suất ≥ 180 W
- Nhiệt độ màu: ≥ 4.500K
- Cường độ phát sáng ≥ 1.000 lm

Dây dẫn sáng

- Đường kính dây ≥ 4 mm
- Chiều dài dây ≥ 250 cm
- Có khả năng chịu nhiệt độ cao

Màn hình 4K ≥ 55 inches

- Màn hình LCD, tấm nền công nghệ LED hoặc tương đương
- Hiển thị được 2 nguồn hình ảnh
- Kích thước màn hình ≥ 55 inches
- Độ phân giải ≥ 3840x2160 pixels
- Độ sáng ≥ 500 cd/m2
- Độ tương phản ≥ 1000:1
- Tín hiệu đầu vào (Tối thiểu có) HDMI; 12G-SDI, DisplayPort 1.2 hoặc tương đương hoặc tốt hơn

Màn hình 4K ≥ 31 inches

- Màn hình LCD, tấm nền công nghệ LED hoặc tương đương
- Hiển thị được 2 nguồn hình ảnh

- Kích thước màn hình ≥ 31 inches
- Độ phân giải ≥ 3840x2160 pixels
- Độ sáng ≥ 500 cd/m2
- Độ tương phản ≥ 1000:1
- Tín hiệu đầu vào (Tối thiểu có) HDMI; DVI; SDI hoặc tương đương hoặc tốt hơn

Máy bơm khí CO2

- Thiết bị ứng dụng được trong phẫu thuật nội soi
- Có khả năng hiển thị tối thiểu thông tin của chế độ bơm khí và các thông số bơm khí cài đặt và thực tế
- Có chế độ bơm đặc biệt cho trẻ em
- Có báo động khi xảy ra quá áp
- Có ≥ 2 chế độ bơm khí
- Lưu lượng bơm tối đa ≥ 20 lít/phút
- Áp lực bơm tối đa ≥ 15 mmHg

Máy hút dịch 2 bình

- Loại bơm piston không dầu
- Áp suất chân không: 675 mmHg
- Tốc độ lưu thông khí tự do tối đa: ≥ 60 lít/phút
- Độ ồn: ≤ 52 dB

Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi tiêu hóa - gan mật (45 chi tiết):

tối thiểu có các dụng cụ hoặc tương đương (sai số: ± 5%),

1.1. Ống kinh phẫu thuật HD, đường kính 10 mm, hướng nhìn 30°, chiều dài làm việc 307 mm, có thể hấp tiệt trùng: 1 cái

1.2. Ống trocar kim loại, vỏ trơn, van bi từ, đường kính 10mm, dài 100mm: 1 cái

1.3. Ống trocar kim loại, vỏ ren xoắn, van bị từ, đường kính 10mm, dài 100mm: 1 cái

1.4. Nòng Trocar đầu tù, cho trocar cỡ 10 mm: 1 cái

1.5. Nòng Trocar đầu kim tự tháp, cho trocar cỡ 10 mm: 1 cái

1.6. Van giảm, giảm từ Ø7 mm, Ø 10 mm, và Ø 12.5 mm- 5.5 mm.

Hộp cái: 2 cái

1.7. Van chống thoát khí (bi từ) dùng cho Trocar cỡ 10mm: 2 cái

1.8. Nắp đậy đầu Trocar dùng cho Trocar cỡ 10mm. Gói 10 cái: 1 gói

1.9. Ông trocar kim loại, vỏ trơn, van bị tử, đường kính 5.5mm, dài 100mm: 2 cái

1.10. Ông trocar kim loại, vỏ ren xoắn, van bi từ, đường kính 5.5mm, dài 100mm: 2 cái

1.11. Nóng Trocar đầu kim tự tháp, cho trocar cỡ 5.5 mm: 4 cái

1.12. Van chống thoát khí (bì từ) cho vỏ Trocar loại 5.5mm: 4 cái

1.13. Nắp đậy đầu Trocar, dùng cho Trocar cỡ 5.5mm. Gói 10 cái: 1 gói

1.14. Ông giảm, đường kính 10 mm - 5.5 mm: 1 cái

1.15. Tay cầm Eragon không có khóa, có đầu nối đốt điện đơn cực, dùng lắp ghép với vỏ ngoài và ruột dụng cụ Eragon: 5 cái

1.16. Vỏ ngoài Eragon, đơn cực, cỡ 5 x 330 mm, dùng lắp ghép với tay cầm và ruột dụng cụ Eragon: 5 cái

1.17. Ruột kéo Eragon, loại Metzenbaum lưỡi cong, có đốt điện đơn cực, cỡ 5 x 330 mm, chiều dài lưỡi kéo 23 mm: 1 cái

1.18. Ruột kéo Eragon, loại móc, có đốt điện đơn cực, cỡ 5 x 330 mm, chiều dài lưỡi kéo 14 mm: 1 cái

1.19. Ruột kìm phẫu tích Eragon, loại Maryland, có đốt điện đơn cực, cỡ 5 x 330 mm, chiều dài hàm 21 mm: 1 cái

1.20. Ruột kẹp Eragon, loại hàm có cửa sổ, hoạt động đơn, có đốt điện đơn cực, cỡ 5 x 330 mm, chiều dài hàm 26 mm: 1 cái

1.21. Ruột kẹp Eragon, không sang chấn, có cửa sổ kép, cỡ 5 x 330 mm, chiều dài hàm 32 mm: 1 cái

1.22. Ruột kẹp Eragon, hàm có răng, cỡ 5 x 330 mm, chiều dài hàm 26 mm: 1 cái

1.23. Ruột kẹp Eragon, loại không sang chấn, có đốt điện đơn cực, cỡ 5 x 330 mm, chiều dài hàm 19 mm: 1 cái

1.24. Ruột kẹp Eragon, loại hàm có cửa sổ, hoạt động đơn, có đốt điện đơn cực, cỡ 5 x 330 mm, chiều dài hàm 21 mm: 1 cái

1.25. Ruột kẹp Eragon, loại Babcock, cỡ 5 x 330 mm, chiều dài hàm 26 mm: 1 cái

1.26. Tay cầm Eragon không có khóa, có đầu nối để đốt điện lưỡng cực. dùng lắp ghép với vỏ ngoài và ruột dụng cụ Eragon lưỡng cực: 2 cái

1.27. Vỏ ngoài Eragon, lưỡng cực, cỡ 5.5 x 320mm, dùng lắp ghép với tay cầm và ruột dụng cụ Eragon lưỡng cực: 2 cái

1.28. Ruột kim phẫu tích Eragon, loại Maryland, có đốt điện lưỡng cực, cỡ 5.5 x 320 mm, chiều dài hàm 23 mm: 1 cái

1.29. Ruột kẹp Eragon, loại hàm có cửa sổ, có đốt điện lưỡng cực, cỡ 5.5 x 320 mm, chiều dài hàm 23 mm: 1 cái

1.30. Móc đốt đơn cực, cỡ 5 x 330mm: 1 cái

1.31. Ống hút tưới rửa, cỡ 10 x 330 mm, có đốt điện đơn cực: 1 cái

1.32. Tay cầm dùng cho ống hút tưới rửa: 1 cái

1.33. Ống dẫn tưới rửa, dùng cho tay cầm có kênh hút: 1 cái

1.34. Dây cáp cao tần đơn cực, dài 3m: 2 cái

1.35. Dây cáp cao tần lưỡng cực, dài 3m: 2 cái

1.36. Kìm kẹp clip cỡ ML: 1 cái

1.37. Clip cỡ ML: 1 hộp

1.38. Tay cầm kẹp kim, cỡ 340 mm, có khóa: 2 cái

1.39. Ruột kẹp kim, cỡ 5 x 340 mm, loại cong trái: 1 cái

1.40. Ruột kẹp kim, cỡ 5 x 340 mm, loại cong phải: 1 cái

1.41. Que đẩy chỉ: 1 cái

1.42. Hộp đựng ống soi: 1 cái

1.43. Hộp tiệt trùng dụng cụ, có nắp: 1 cái

1.44. Khay lưới có nắp cho tiệt trùng và bảo quản dụng cụ: 1 cái

1.45. Khay lưới có nắp cho tiệt trùng và bảo quản dụng cụ: 1 cái

2. Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng - tiết niệu - sản khoa (45 chi tiết):

tối thiểu có các dụng cụ hoặc tương đương (sai số: ± 5%),

2.1. Ống kính phẫu thuật HD, đường kính 10 mm, hướng nhìn 0°, chiều dài làm việc 307 mm, có thể hấp tiệt trùng: 1 cái

2.2. Ống kính phẫu thuật HD, đường kính 10 mm, hướng nhìn 30°, chiều dài làm việc 307 mm, có thể hấp tiệt trùng: 1 cái

2.3. Ống trocar kim loại, vỏ trơn, van bị từ, đường kính 10mm, dài 100mm: 1 cái

2.4. Ống trocar kim loại, vỏ ren xoắn, van bị từ, đường kính 10mm, dài 100mm: 1 cái

2.5. Nòng Trocar đầu tù, cho trocar cỡ 10 mm: 1 cái

2.6. Nòng Trocar đầu kim tự tháp, cho trocar cỡ 10 mm: 1 cái

2.7. Van giảm, giảm từ Ø7 mm, Ø 10 mm, và Ø 12.5 mm - 5.5 mm. Hộp cái: 2 hộp

2.8. Van chống thoát khí (bì từ) dùng cho Trocar cỡ 10mm: 2 cái

2.9. Nắp đậy đầu Trocar dùng cho Trocar cỡ 10mm. Gói 10 cái: 1 gói

2.10. Ống trocar kim loại, vỏ trơn, van bị từ, đường kính 5.5mm, dài 100mm: 2 cái

2.11. Ống trocar kim loại, vỏ ren xoắn, van bị từ, đường kính 5.5mm, dài 100mm: 2 cái

2.12. Nòng Trocar đầu kim tự tháp, cho trocar cỡ 5.5 mm: 4 cái

2.13. Van chống thoát khí (bi từ) cho vỏ Trocar loại 5.5mm: 4 cái

2.14. Nắp đậy đầu Trocar, dùng cho Trocar cỡ 5.5mm. Gói 10 cái: 1 gói

2.15. Ống giảm, đường kính 10 mm - 5.5 mm: 1 cái

2.16. Tay cầm Eragon không có khóa, có đầu nối đốt điện đơn cực, dùng lắp ghép với vỏ ngoài và ruột dụng cụ Eragon: 5 cái

2.17. Vỏ ngoài Eragon, đơn cực, cỡ 5 x 330 mm, dùng lắp ghép với tay cầm và ruột dụng cụ Eragon: 5 cái

2.18. Ruột kéo Eragon, loại Metzenbaum lưỡi cong, có đốt điện đơn cực, cỡ 5 x 330 mm, chiều dài lưỡi kéo 23 mm: 1 cái

2.19. Ruột kéo Eragon, loại móc, có đốt điện đơn cực, cỡ 5 x 330 mm, chiều dài lưỡi kéo 14 mm: 1 cái

2.20. Ruột kim phẫu tích Eragon, loại Maryland, có đốt điện đơn cực, cỡ 5 x 330 mm, chiều dài hàm 21 mm: 1 cái

2.21. Ruột kẹp Eragon, loại hàm có cửa sổ, hoạt động đơn, có đốt điện đơn cực, cỡ 5 x 330 mm, chiều dài hàm 26 mm: 1 01 cái

2.22. Ruột kẹp Eragon, hàm có răng, cỡ 5 x 330 mm, chiều dài hàm 26 mm: 1 01 cái

2.23. Ruột kẹp Eragon, loại không sang chấn, có đốt điện đơn cực, cỡ 5 x 330 mm, chiều dài hàm 19 mm: 1 01 cái

2.24. Ruột kẹp Eragon, loại hàm có cửa sổ, hoạt động đơn, có đốt điện đơn cực, cỡ 5 x 330 mm, chiều dài hàm 21 mm: 1 01 cái

2.25. Ruột kẹp Eragon, loại Babcock, cỡ 5 x 330 mm, chiều dài hàm 26 mm: 1 01 cái

2.26. Tay cầm Eragon không có khóa, có đầu nối để đốt điện lưỡng cực. dùng lắp ghép với vỏ ngoài và ruột dụng cụ Eragon lưỡng cực: 2 cái

2.27. Vỏ ngoài Eragon, lưỡng cực, cỡ 5.5 x 320mm, dùng lắp ghép với tay cầm và ruột dụng cụ Eragon lưỡng cực: 2 cái

2.28. Ruột kim phẫu tích Eragon, loại Maryland, có đốt điện lưỡng cực, cỡ 5.5 x 320 mm, chiều dài hàm 23 mm: 1 cái

2.29. Ruột kẹp Eragon, loại hàm có cửa sổ, có đốt điện lưỡng cực, cỡ 5.5 x 320 mm, chiều dài hàm 23 mm: 1 cái

2.30. Móc đốt đơn cực, cỡ 5 x 330mm: 1 cái

2.31. Ống hút tưới rửa, cỡ 10 x 330 mm, có đốt điện đơn cực: 1 cái

2.32. Tay cầm dùng cho ống hút tưới rửa: 1 cái

2.33. Ống dẫn tưới rửa, dùng cho tay cầm có kênh hút: 1 cái

2.34. Dây cáp cao tần đơn cực, dài 3m: 2 cái

2.35. Dây cáp cao tần lưỡng cực, dài 3m: 2 cái

2.36. Kìm kẹp clip cỡ ML: 1 cái

2.37. Clip cỡ ML: 1 hộp

2.38. Tay cầm kẹp kim, cỡ 340 mm, có khóa: 2 cái

2.39. Ruột kẹp kim, cỡ 5 x 340 mm, loại cong trái: 1 cái

2.40. Ruột kẹp kim, cỡ 5 x 340 mm, loại cong phải: 1 cái

2.41. Que đẩy chỉ: 1 cái

2.42. Hộp dựng ống soi: 1 cái

2.43. Hộp tiệt trùng dụng cụ, có nắp: 1 cái

2.44. Khay lưới có nắp cho tiệt trùng và bảo quản dụng cụ: 1 cái

2.45. Khay lưới có nắp cho tiệt trùng và bảo quản dụng cụ: 1 cái

IV. Các yêu cầu khác

- Thời hạn giao hàng: tối đa 120 ngày;

- Thời gian bảo hành tối thiểu 12 tháng hoặc tiêu chuẩn của hãng sản xuất kể từ khi nghiệm thu đưa vào sử dụng.

- Bảo trì trong thời gian bảo hành: Theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất

- Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: 48 giờ.

- Có cam kết cung cấp giấy chứng nhận xuất xứ (CO), chứng nhận chất lượng (CQ) khi giao hàng

- Có ủy quyền hợp pháp từ nhà sản xuất hoặc đại lý phân phối chính thức được ủy quyền của nhà sản xuất tại Việt Nam.

- Có cam kết bảo trì sau thời gian bảo hành, cam kết cung cấp phụ tùng thay thế và vật tư tiêu hao trong vòng tối thiểu 10 năm.

- Có bảng báo giá các phụ tùng, linh kiện thay thế không thay đổi tối thiểu 5 năm sau thời gian bảo hành.

Phụ lục III

CÁC BIỂU MẪU HỒ SƠ BÁO GIÁ

Mẫu số 01

(Kèm theo Công văn số: 2323/BVNĐ-VTTBYT ngày 10 /6 /2025 của Bệnh viện Đa khoa Nam Định)

BÁO GIÁ[1]

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Nam Định

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa Nam Định tại Công văn số ...../BVT-VTTBYT, chúng tôi....*[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* – Mã số thuế: .....

Báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

STT	STT của thiết bị theo cột STT TB tại Phụ lục I (10)	Danh mục thiết bị y tế (2)	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model, (3)	Mã HS(4)	Năm sản xuất(5)	Xuất xứ (6)	Số lượng (7)	Đơn vị tính	Đơn giá(8) (VND)	Thành tiền(9) (VND)
			.....								
			.....								
.											

1. Giá trên đã bao gồm tất cả các chi phí vận chuyển, bảo hiểm, bảo quản liên quan và các loại thuế (VAT), phí theo quy định của pháp luật;

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày kể từ ngày..... tháng .....năm 2025;

3. Địa điểm cung cấp hàng hóa: Bệnh viện **Đa khoa Nam Định.**

4. Thời gian giao hàng dự kiến: ≤ 90 ngày.

5. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

6. Thông tin liên hệ của đơn vị báo giá: *[ghi rõ thông tin người phụ trách làm báo giá]*

….., ngày…. tháng….năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Tên danh mục" trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế".

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế (đã bao gồm thuế VAT và các chi phí

khác)

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND).

(10) Ghi số thứ tự của thiết bị y tế theo số thứ tự tại phụ lục I.

Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.